

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày: 12/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa
2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Võ Minh A (Giới tính: Nam), sinh ngày: 20/10/1996, tại BT. Nơi ĐKKHKT: khu phố B, phường C, TP. PT, tỉnh BT. Chỗ ở: khu phố D, phường C, TP. PT, tỉnh BT. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 6/12. Nghề nghiệp: không. Con ông Võ Minh E, sinh năm: 1974 và bà Lê Thị F, sinh năm: 1973, cùng trú tại: khu phố D, phường C, TP PT, tỉnh BT. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 15/11/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh BT tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HS-ST. Bị cáo Võ Minh A hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giam - Công an tỉnh BT. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***/Người bị hại:**

1/ Cháu Nguyễn Minh G, sinh năm: 2010 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho cháu G: Bà Huỳnh Thị Khánh H, sinh năm 1987 (có đơn từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu G, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: khu phố I, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.

2/ Bà Lý Thị J, sinh năm: 1943

Nơi cư trú: khu phố K, phường C, thành phố PT, tỉnh BT

3/ Bà Lương Thị L, sinh năm: 1968(có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: khu phố M, phường C, thành phố PT, tỉnh BT
4/ Bà Đoàn Thị Lệ N, sinh năm: 1964(có đơn xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: khu phố I, phường C, thành phố PT, tỉnh BT
***/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
1/Bà Lê Thị O, sinh năm 1968 (vắng mặt).
Nơi cư trú: khu phố P, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.
2/ Bà Lê Thị Q, sinh năm: 1984(vắng mặt)
Nơi cư trú: khu phố R, phường C, thành phố PT, tỉnh BT
3/ Ông Huỳnh Thế S, sinh năm: 1987(vắng mặt)
Nơi cư trú: khu phố T, phường C, thành phố PT, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/7/2019 đến ngày 07/8/2019, Võ Minh A đã 04 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác trên địa bàn thành phố PT, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ ngày 26/7/2019, Võ Minh A đi bộ từ nhà đến khu vực nghĩa trang liệt sĩ thuộc khu phố U, phường C, thành phố PT thì quan sát thấy cháu Nguyễn Minh G đang đi xe đạp ở đường hẻm (không tên) trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền bạc nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. A đi tới gần tiếp cận cháu G, bất ngờ dùng tay phải giật sợi dây chuyền bạc trên cổ cháu G rồi nhanh chóng bỏ chạy. Sau khi giật được tài sản, A mang đến tiệm bạc do ông Huỳnh Thế S làm chủ để bán. Tại đây, A nói với ông S: “*Có sợi dây chuyền bạc muốn bán*”, ông S xem thấy sợi dây chuyền không bị đứt nên tin tưởng là của A và đồng ý mua với giá 136.000 đồng. Số tiền có được từ hành vi phạm tội A đã tiêu xài hết.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bà Huỳnh Thị Khánh H (mẹ G) đã đến tiệm bạc của ông S dò hỏi với mục đích xin chuộc lại sợi dây chuyền. Sau khi biết sợi dây chuyền trên có nguồn gốc phạm pháp ông S đã đồng ý cho bà H chuộc lại với giá 136.000 đồng. Tại Cơ quan Công an A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng của vụ án: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc dài 41,5cm, có mặt hình phật bằng kim loại màu bạc chiều ngang 1,3cm, dài 1,4cm (do bà Huỳnh Thị Khánh H giao nộp).

Tại giấy kết quả thử nghiệm số 05092019/02/PNJL-TNV của Công ty TNHH MTV giám định PNJ kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc dài khoảng 41,5cm kèm theo mặt dây chuyền hình phật 1,3cm x 1,4cm, có khối lượng 3,361 chỉ, hợp kim Ag-Cu. Bút lục số 84.

Tại kết luận định giá tài sản số 196, ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. PT kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc

dài 41,5cm, kèm theo mặt dây chuyền hình phật 1,3cm x 1,4cm có khối lượng 3,361 chỉ. Trị giá tài sản là: 268.800 đồng.

Hiện Cơ quan CSĐT Công an TP. PT đã tiến hành xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho cháu G. A đã tác động gia đình bồi thường lại số tiền 150.000 đồng cho gia đình cháu G. Sau khi nhận lại tài sản, cháu G và gia đình không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 08 giờ ngày 27/7/2019, Võ Minh A bộ từ nhà đến cửa hàng Thế giới di động (thuộc khu phố K, phường C, thành phố PT) quan sát thấy bà Lý Thị J đang đi bộ theo hướng ngược lại với A. Lúc này, A quan sát thấy trên cổ của bà J có đeo 01 sợi dây chuyền màu vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khi A và bà J đi ngang qua nhau thì bất ngờ A dùng tay phải của mình giật sợi dây chuyền trên cổ bà J rồi nhanh chóng bỏ chạy về nhà ở khu phố D, phường C. Khoảng 30 phút sau, A mang sợi dây chuyền đã chiếm đoạt được của bà J đến tiệm vàng V gặp bà Nguyễn Thị O là chủ tiệm vàng V nói: *“Tên là W và muốn cầm thế sợi dây chuyền”*, bà O xem xong và đồng ý cầm thế sợi dây chuyền trên cho A với giá 1.000.000 đồng (có thu giữ được giấy dịch vụ cầm thế). Đến sáng ngày 02/8/2019, A đến gặp bà O nói: *“Muốn bán sợi dây chuyền vàng mà A đã cầm thế vào ngày 27/7/2019”* nhưng bà O không đồng ý mua vì không biết rõ nguồn gốc sợi dây chuyền. Bà O sẽ mua nếu có người nhà của A ra xác nhận.

Để bán được sợi dây chuyền, A đi đến nhà bà Lê Thị Q (là chị họ của A) nhờ bà Q đến gặp bà O nói là chị dâu của A, mục đích để A bán sợi dây chuyền trên. Bà Q hỏi A: *“Vàng ở đâu mà có”*, A nói: *“Vàng của bạn”* thấy vậy bà Q tin tưởng và đồng ý đi cùng A đến gặp bà O. Có bà Q đi cùng nên bà O đồng ý mua lại sợi dây chuyền vàng trên của A với giá 5.450.000 đồng (trừ 1.000.000 đồng đã cầm thế trước đó) còn lại 4.450.000 đồng. Bà O đưa cho A 09 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nhưng A không có tiền trả lại nên A mượn của bà Q 50.000 đồng để trả lại cho bà O. Sau đó, A đưa lại cho bà Q 01 tờ tiền 200.000 đồng (trong đó có 50.000 đồng A mượn bà Q và A nhờ bà Q giữ giùm 150.000 đồng). Đến ngày 03/8/2019, A đến gặp bà Q và lấy lại số tiền 200.000 đồng trên. Toàn bộ số tiền có được từ hành vi phạm tội A đã tiêu xài hết.

Đối với bà Lý Thị J, sau khi bị giật tài sản bà J đã đến Công an phường C trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT đã mời A lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 53cm, có gắn mặt hình tròn, đầu sợi dây chuyền có ký hiệu KM019 (thu giữ từ bà Nguyễn Thị O);
- 01 giấy dịch vụ cầm thế của tiệm vàng V (do bà O giao nộp).

Tại giấy kết quả thử nghiệm số 05092019/03/PNJL-TNV của Công ty TNHH MTV Giám định PNJ kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài khoảng 53cm, ký hiệu KM019, có khối lượng 2,237 chỉ, hàm lượng vàng 61,92%;

- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có ký hiệu T.DANH, có khối lượng 0,467 chỉ, hàm lượng vàng 58,87%;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 197, ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP. PT kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng dài khoảng 53cm, ký hiệu KM019 có khối lượng 2,237 chỉ. Trị giá tài sản là: 5.482.887 đồng;

- 01 mặt dây chuyền vàng có ký hiệu T.DANH có khối lượng 0,467 chỉ. Trị giá tài sản là: 1.088.110 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà A chiếm đoạt của bà Lý Thị J là: 6.570.997 đồng.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố PT đã xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho bà Lý Thị J. Sau khi nhận lại tài sản, bà J không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Gia đình Võ Minh A đã trả lại số tiền 5.450.000 đồng cho bà Nguyễn Thị O. Sau khi nhận lại số tiền trên, bà O không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Bà Q không yêu cầu A trả lại 50.000 đồng mà A đã mượn của bà Q.

Đối với 01 giấy dịch vụ cầm thế thể hiện việc cầm thế vật chứng là sợi dây chuyền được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án để phục vụ việc xét xử.

Vụ thứ ba: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 03/8/2019, Võ Minh A đi xe thồ từ nhà đến đường Y (thuộc khu phố M, phường C) mục đích tìm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi A đi đến con hẻm (không tên) thì quan sát thấy bà Lương Thị L đang cho cháu bé ăn sáng ở trước nhà, trên cổ bà L có đeo 01 sợi dây chuyền bằng vàng nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt. A đi lại gần tiếp cận và lợi dụng lúc bà L không để ý, A bất ngờ dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ bà L rồi nhanh chóng bỏ chạy thì bị rớt lại 01 mặt dây chuyền hình chữ X (bà L nhặt lại). Sau khi giật được sợi dây chuyền, A mang đến tiệm vàng Z của bà Nguyễn Thị J làm chủ để bán. Tại đây, A nói với bà J: *“A có sợi dây chuyền muốn bán”* bà J kiểm tra thấy sợi dây chuyền không bị đứt nên tin tưởng và đồng ý mua với giá 2.450.000 đồng (bà Nguyễn Thị J khai: sợi dây chuyền A bán cho bà là dây chuyền vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ 06 ly. Sau khi mua sợi dây chuyền từ A, bà J đã gửi vào TP. Hồ Chí Minh để đổi đồ mới nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT không thu hồi được). Số tiền có được A sử dụng để mua 01 chiếc điện thoại di động với giá 2.000.000 đồng (hiện A đã bán chiếc điện thoại trên cho một đối tượng không có nhân thân). Toàn bộ số tiền có được từ hành vi phạm tội A đã tiêu xài hết.

Đối với bà Lương Thị L, sau khi bị giật tài sản đã đến Công an phường C trình báo sự việc. Bà L khai: khi bị A giật sợi dây chuyền thì bị rớt lại 01 mặt dây chuyền hình chữ X, bà L đã đem bán với giá 500.000 đồng nhưng không nhớ rõ bán ở đâu.

Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT, A đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên.

Do tài sản bị A chiếm đoạt trong lần phạm tội này không thu hồi được để làm căn cứ định giá. Vì vậy, Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá tài sản.

Sau khi sự việc xảy ra, A đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 2.500.000 đồng. Bà L đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự.

Vụ thứ tư: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 07/8/2019, Võ Minh A đi dọc các con hẻm thuộc phường C với mục đích chiếm đoạt tài sản. Khi A đi đến con hẻm nội bộ (không tên) thuộc khu phố P, phường C thì phát hiện bà Đoàn Thị Lệ N đang đi bộ phía trước A, trên cổ bà N có đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên A nảy sinh ý định cướp giật tài sản. A đi lại gần, tiếp cận rồi dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ bà N. Sau khi giật được tài sản, A bỏ lại đôi dép lười màu xanh mà A đang đi rồi bỏ chạy ra đường AA (thuộc khu phố P, phường C). Có được tài sản, A đi xe thồ đến nhà bà Lê Thị Q với mục đích bán sợi dây chuyền vừa giật được. Gặp bà Q, A nói: *“Có người bạn đưa sợi dây chuyền này nhờ cầm thế giùm”* bà Q nói: *“Không biết cầm thế”*, A nói tiếp: *“Đưa tiền cho A, A đưa sợi dây chuyền cho”*. Thấy A năn nỉ nên bà Q lấy ra 1.500.000 đồng đưa cho A. A cầm tiền và đưa lại sợi dây chuyền trên cho bà Q. Số tiền có được từ hành vi phạm tội A đã tiêu xài hết.

Đối với bà Đoàn Thị Lệ N, sau khi bị giật tài sản bà N đã đến Công an phường C trình báo sự việc. Qua truy xét, Công an phường C đã mời A lên trụ sở để làm việc. Tại đây, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 50cm, ký hiệu TH610 (do bà Lê Thị Q giao nộp);
- 01 đôi dép lười, màu xanh (do bà N giao nộp).

Tại giấy kết quả thử nghiệm số 05092019/01/PNJL-TNV của Công ty TNHH MTV Giám định PNJ kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài khoảng 50cm, ký hiệu TH610, có khối lượng 1,751 chỉ, hàm lượng vàng 61,21%.

Tại bản kết luận định giá số 195/KL-HĐĐG ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản TP. PT kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng dài khoảng 50cm, ký hiệu TH610 có khối lượng 1,751 chỉ. Trị giá tài sản là: 4.431.781 đồng.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố PT đã xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho bị hại. Bà N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Hiện bà Q không yêu cầu A trả lại số tiền 1.500.000 đồng mà bà đã cầm thế sợi dây chuyền từ A.

Đối với vật chứng là 01 đôi dép lười màu xanh thu giữ từ bà N. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT đang bảo quản, chờ chuyển đến kho tàng vật của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PT chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 21/CT – VKS ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT đã truy tố Võ Minh A về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A mức án từ 04 năm tù đến 05 năm tù. Tuyên tịch thu tiêu hủy đôi dép lười của bị cáo do bị cáo không nhận vì đã cũ; về dân sự các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xét.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa cũng như không có ý kiến về lời luận tội

của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT.

Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố PT, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Minh A khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Từ ngày 26/7/2019 đến ngày 07/8/2019, Võ Minh A đã thực hiện liên tiếp 04 vụ cướp giật tài sản của người khác trên địa bàn phường C, thành phố PT với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 14.221.578 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ ngày 26/7/2019, tại khu phố U, phường C, thành phố PT, Võ Minh A đã có hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền kim loại màu bạc của em Nguyễn Minh G trị giá: 268.800 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 08 giờ ngày 27/7/2019, tại khu phố K, phường C, thành phố PT, Võ Minh A đã có hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng của bà Lý Thị J với tổng trị giá là: 6.570.997 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 03/8/2019, tại khu phố M, phường C, thành phố PT, Võ Minh A đã có hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng của chị Lương Thị L có trọng lượng 01 chỉ 06 ly vàng 18k, trị giá: 2.450.000 đồng và 01 mặt dây chuyền hình chữ X trị giá: 500.000 đồng. Tổng cộng là: 2.950.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 07/8/2019, tại khu phố P, phường C, thành phố PT, Võ Minh A đã có hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng của chị Đoàn Thị Lệ N trị giá: 4.431.781 đồng.

Xét thấy, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi công khai chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát một cách nhanh chóng đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của

người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy, bị cáo ý thức được quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ, thế nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nặng nhọc nên bị cáo đã có hành vi tiếp cận để cướp giật dây chuyền kim loại màu bạc, dây chuyền kim loại màu vàng của các bị hại, trong đó có bị hại là người dưới 16 tuổi rồi nhanh chóng tẩu thoát, bất chấp hậu quả xảy ra. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét thấy bị cáo A đã 04 lần thực hiện hành vi “*Cướp giật tài sản*” nên thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, vào ngày 15/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh BT tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HS-ST. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên căn cứ vào Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả hai bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản mà bị cáo cướp giật của các bị hại đã được thu hồi trả lại cho các bị hại. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn các bị hại thể hiện về hình sự xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, về dân sự đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Sau khi giật được tài sản của bà N, bị cáo bỏ lại đôi dép lười màu xanh mà bị cáo đang mang. Tại phiên tòa bị cáo không nhận lại đôi dép này vì đã cũ nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết.

Đối với ông Huỳnh Thế S, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị J là những người đã mua lại tài sản phạm pháp từ bị cáo, bà Lê Thị Q là người đã cầm thế tài sản và giúp A đi bán tài sản. Quá trình điều tra xác định những người này không biết nguồn gốc tài sản là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Võ Minh A phạm tội “Cướp giật tài sản”.

*** Xử phạt:** Bị cáo Võ Minh A 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06(sáu) tháng tù tại Bản án số 34/2019/HS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh BT, buộc bị cáo Võ Minh A chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 09 tháng 8 năm 2019.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01(một) đôi dép lao màu xanh của bị cáo (theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 52 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PT).

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, buộc bị cáo Võ Minh A phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2020), của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Viết Sáu

Đỗ Văn Hòa

Phạm Phong Lan